

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án: 291/2017/HNGĐ-ST

Ngày 29/12/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hoanh

2. Bà Nguyễn Thị Mừng

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên.

Vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23a/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T

Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đình M

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ chị Phan Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Lê Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 10 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M thường xuyên bạo hành, đánh đập gây thương tích, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của chị T. Do không chịu đựng nổi nên chị T đưa hai con về nhà mẹ ruột để sinh sống từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Hiện tại giữa chị T và anh M không còn chung sống với nhau.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình M.

Tại các văn bản ghi ý kiến và tại phiên tòa anh Lê Đình M (bị đơn) trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, anh M đồng ý về mối quan hệ vợ chồng như chị T khai. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau và anh M bức tức có đánh chị T gây thương tích. Tuy nhiên, anh M

cho rằng mâu thuẫn vẫn chưa đến mức trầm trọng, nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T mà mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình.

2. Về con chung: Chị T khai vợ chồng có hai con chung.

- Lê Phan Thủy T (sinh ngày 19/02/2007);

- Lê Đình Huy H (sinh ngày 05/10/2011).

Chị T nguyện vọng xin được nuôi hai con, không yêu cầu anh M đóng góp nuôi con.

Anh M công nhận vợ chồng có hai con chung như chị T khai, nếu chị T cương quyết ly hôn, nguyện vọng của anh là được nuôi con Lê Đình Huy H và không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M cùng khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn chị Phan Thị T và anh Lê Đình M thực hiện quyền và nghĩa vụ kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc giải quyết vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M xác lập hôn nhân trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên bạo hành, đánh đập và gây thương tích, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần chị T. Hiện tại chị T và anh M không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Tại hồ sơ và tại phiên tòa chị T cương quyết xin được ly hôn với anh M. Đối với anh M thì không đồng ý ly hôn với yêu cầu chị T.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh M là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

- Quan hệ con chung: Chị T và anh M khai thống nhất có hai con chung là Lê Phan Thủy T (sinh ngày 19/02/2007) và Lê Đình Huy H (sinh ngày 05/10/2011). Chị T có nguyện vọng nuôi hai con chung, anh M có nguyện vọng nuôi con Lê Đình Huy H.

Xét thực tế thì thấy hiện tại hai cháu còn nhỏ, đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Anh M làm nghề xây dựng công trình, thường xuyên đi làm xa, ít có thời gian ở nhà nên điều kiện để chăm sóc con là không đảm bảo. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con vị thành niên nên giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M cùng khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong gia đình, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh M nhiều lần đánh đập chị T phải nhập viện điều trị. Do không chịu đựng nổi nên chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Hiện tại chị T và anh M không còn chung sống với nhau.

Tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. *Về con chung*: Chị T có nguyện vọng nuôi hai con Lê Phan Thủy T và Lê Đình Huy H, anh M có nguyện vọng nuôi con Lê Đình Huy H. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy, anh M làm nghề xây dựng công trình, thường xuyên đi làm xa, ít có thời gian ở nhà để chăm sóc con chung. Trong thời gian trước đây và hiện nay cả hai con đều do chị T nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt, chị T có công việc thu nhập ổn định. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị Phan Thị T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Anh M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh M cùng khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị T đối với anh Lê Đình M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Lê Đình M.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Phan Thủy T (*sinh ngày 19/02/2007*) và Lê Đình Huy H (*sinh ngày 05/10/2011*) cho chị Phan Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Chị Phan Thị T không yêu cầu anh Lê Đình M cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Đình M có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung sau ly hôn, không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 10801 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Phan Thị T đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Chị Phan Thị Th và anh Lê Đình M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

